

Số : 150/CV/IFS/2023

Đồng Nai, ngày 18 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

(V/v: Giải trình báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 năm 2023)

Trước hết chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sự hỗ trợ của Quý cơ quan trong suốt thời gian qua.

Chúng tôi xin gửi báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong Quý 4 năm 2023 như sau:

ĐVT: Ngân VND

| Các chỉ tiêu | Quý 4 năm 2023 | Quý 4 năm 2022 | Thay đổi | Lũy kế Quý 4 năm 2023 | Lũy kế Quý 4 năm 2022 | Thay đổi |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|------------|
| Tổng doanh thu | 568,692,363 | 531,313,566 | 7% | 1,995,034,345 | 1,830,257,198 | 9% |
| Các khoản giảm trừ | 40,630,311 | 35,047,867 | 16% | 126,736,274 | 117,545,282 | 8% |
| % Giảm trừ doanh thu | 7% | 7% | | 6% | 6% | |
| Doanh thu thuần | 528,062,052 | 496,265,699 | 6% | 1,868,298,071 | 1,712,711,916 | 9% |
| Giá vốn hàng bán | 339,024,106 | 326,847,559 | 4% | 1,197,411,653 | 1,151,195,520 | 4% |
| % Giá vốn hàng bán | 64% | 66% | | 64% | 67% | |
| Lợi nhuận gộp | 189,037,946 | 169,418,140 | 12% | 670,886,418 | 561,516,396 | 19% |
| % Lợi nhuận gộp | 36% | 34% | | 36% | 33% | |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 6,726,356 | 9,025,026 | -25% | 35,526,772 | 22,130,875 | 61% |
| Chi phí tài chính | 74,960 | 322,817 | -77% | 215,678 | 466,995 | -54% |
| Trong đó: chi phí lãi vay | - | - | | - | - | |
| Chi phí bán hàng | 124,499,191 | 107,674,094 | 16% | 398,247,290 | 359,312,454 | 11% |
| % Chi phí bán hàng | 24% | 22% | | 21% | 21% | |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 13,679,581 | 9,825,838 | 39% | 43,342,788 | 36,476,380 | 19% |
| Lãi từ hoạt động kinh doanh | 57,510,570 | 60,620,417 | -5% | 264,607,434 | 187,391,442 | 41% |
| Thu nhập khác | 1,218,781 | 7,388,513 | -84% | 3,064,897 | 7,902,438 | -61% |
| Chi phí khác | 3,434,313 | 372,804 | 821% | 5,469,364 | 1,749,715 | 213% |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | 55,295,038 | 67,636,126 | -18% | 262,202,967 | 193,544,165 | 35% |
| CP thuế TN hiện hành | 12,836,500 | 5,429,349 | 136% | 53,037,799 | 36,151,167 | 47% |
| CP thuế TN hoãn lại | (1,054,818) | 6,962,093 | -115% | 570,399 | 1,747,368 | -67% |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 43,513,356 | 55,244,684 | -21% | 208,594,769 | 155,645,630 | 34% |
| % Lợi nhuận sau thuế | 8% | 11% | | 11% | 9% | |

Quý 4 năm 2023 tiếp tục đánh dấu giai đoạn Công ty chuyển đổi từ trạng thái phục hồi sang giai đoạn Tăng trưởng bền vững thể hiện qua kết quả Công ty đạt mức lợi nhuận trước thuế là 55 tỷ đồng, lũy kế năm 2023 đạt 262 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ năm ngoái.

Về doanh thu bán hàng, trong quý Công ty tiếp tục đẩy mạnh các công tác bán hàng cơ bản, tăng cường các chiến dịch marketing đa dạng cho nhiều dòng sản phẩm chiến lược, duy trì tăng trưởng dòng sản phẩm Ice+ Trà mới và dòng sản phẩm Latte cải tiến với dung tích chai lớn hơn kết hợp cải tiến mẫu mã nhiều dòng sản phẩm phục vụ Tết ... Kết quả tổng doanh thu bán hàng tăng vượt hơn 7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Chi phí giá vốn hàng bán Quý 4 năm 2023 giảm còn 64% tỷ trọng doanh thu thuần so với cùng kỳ năm ngoái là 66%. Nguyên nhân do biến động giảm giá của một số nguyên liệu đầu vào chủ chốt.

Doanh thu hoạt động tài chính quý này giảm do lãi suất tiền gửi giảm theo mặt bằng chung của lãi suất tiền gửi trong năm.

Trong Quý 4 công ty tiếp tục thực hiện các chiến dịch truyền thông quảng bá sản phẩm để thúc đẩy tăng trưởng doanh số, triển khai các chương trình phục vụ Tết nguyên đán, tiếp tục thực hiện chi phí hỗ trợ bán hàng, nên tổng tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần tăng ở mức 24% doanh thu thuần cao hơn mức 22% cùng kỳ năm ngoái.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mức 2,6 % so với 2,0% số cùng kỳ năm ngoái liên quan một số dịch vụ thuê ngoài.

Chi phí khác chủ yếu liên quan các khoản hỗ trợ, bồi thường khác

Trên đây là một số giải trình kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 năm 2023.

Trân trọng cảm ơn.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Đã ký và đóng dấu)

Daisuke Hattori
Tổng Giám đốc